

Bản án số: /2024/DS-ST

Ngày: 31/5/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Quý Phương

2. Ông Lưu Bình Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S - Chi nhánh Thành phố H; địa chỉ: Tầng I và một phần tầng 12, Tòa nhà F, số C đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lữ Thái Hoàng Q và/hoặc bà Lý Nhã L; địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà F, số C đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 20/UQ-BSP.HCM.24 ngày 18/01/2024) - bà Lý Nhã L có mặt;

Bị đơn: Ông Lương Ngọc T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/12/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** trình bày:*

Ngân hàng S có cho ông **Lương Ngọc T** vay số tiền 270.000.000 đồng theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21575PL ngày 01/11/2022, thời hạn cho vay 48 tháng, mục đích cho vay để mua hàng hóa; Lãi suất trong hạn 16%/năm từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn 150%/lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả 10%/năm. **Ngân hàng S** đã giải ngân vào tài khoản của ông **T** số 07000800041733 tại **Ngân hàng S - chi nhánh Thành phố H**;

Do ông **T** vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **T** trả số nợ tạm tính đến ngày 22/4/2024 là 284.926.722 đồng trong đó nợ gốc là 241.448.032 đồng, lãi trong hạn là 24.534.672 đồng, lãi quá hạn là 17.992.549 đồng; lãi phạt là 1.451.469 đồng.

Trường hợp ông **T** chậm trả, còn phải trả lãi, lãi phạt phát sinh theo mức lãi quy định tại Thỏa thuận cho vay cá nhân nêu trên từ ngày 23/4/2024 cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn – ông **Lương Ngọc T** có đơn trình bày:*

Ngân hàng S có cho ông **Lương Ngọc T** vay số tiền 270.000.000 đồng theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21575PL ngày 01/11/2022, thời hạn cho vay 48 tháng (từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/11/2026). Tuy nhiên trong khoản nợ trên đối với **Ngân hàng S** có bao gồm chi phí dịch vụ cho vay, cho nên số tiền gốc mà ông **T** được nhận trong tài khoản cá nhân là khoảng hơn 220.000.000 đồng, đã bị trừ đi chi phí dịch vụ là số tiền còn lại khoảng 20% cho phía Ngân hàng khi lập Hợp đồng cho vay.

Đến ngày 16/01/2024 khoản nợ tổng cộng là 269.320.515 đồng, bị đơn xác nhận số nợ đúng như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên theo quy định pháp luật hiện hành, phần lãi phạt của Ngân hàng vi phạm về lãi chồng lãi, do đó bị đơn không chấp nhận đối với phần này. Các số tiền còn lại đều đúng theo Hợp đồng.

Hiện nay, bị đơn đã bị mất việc, không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên đề nghị Ngân hàng ngưng tính lãi đối với số nợ trên để bị đơn có khả năng thanh toán trong khoảng 02 năm .

Ngày 02/4/2024, bị đơn ông **Lương Ngọc T** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho biết ông **T** có xin ngưng tính lãi, tuy nhiên **Ngân hàng S** không phê duyệt nên không thống nhất được ý kiến đối với yêu cầu của ông **T**. Do đó, người đại diện hợp pháp của nguyên

đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **Lương Ngọc T** phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 291.460.233 đồng trong đó nợ gốc là 240.948.032 đồng, lãi trong hạn là 24.534.672 đồng, lãi quá hạn là 24.171.381 đồng; lãi phạt là 1.806.148 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi ông **T** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng.

- Bị đơn giữ nguyên tất cả các ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận yêu cầu của **Ngân hàng S** đối với ông **Lương Ngọc T**, buộc ông **T** thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 31/5/2024 là: 291.460.233 đồng trong đó nợ gốc là 240.948.032 đồng, lãi trong hạn là 24.534.672 đồng, lãi quá hạn là 24.171.381 đồng; lãi phạt là 1.806.148 đồng, tiếp tục chịu phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 cho đến trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng S khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông **Lương Ngọc T**.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của **Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** “Đương sự **Lương Ngọc T**, sinh năm 1995 có hộ khẩu thường trú tại **số nhà C đường H, khu phố G, Phường B Thành phố T, tỉnh Long An**, có đăng ký tạm trú và hiện thực tế cư trú tại địa chỉ **A L, Phường C, Quận A** từ ngày 21/4/2023”.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 02/04/2024, bị đơn ông **Lương Ngọc T** có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của

bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

+ Đối với nợ gốc: Căn cứ Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21575PL ngày 01/11/2022 thì giao dịch giữa Ngân hàng với ông **T** được xác định là giao dịch vay tài sản. Giao dịch giữa đôi bên được xác lập trên **cơ sở B**, tự nguyện nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đôi bên đối với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông **T** vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng tính đến nay, ông **Lương Ngọc T** còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 240.948.032 đồng.

+ Đối với lãi: Mức lãi suất nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được quy định trong Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21575PL ngày 01/11/2022. Xét thấy, việc thỏa thuận mức lãi suất này là hợp pháp theo quy định pháp luật. Do đó, với yêu cầu buộc ông **Lương Ngọc T** phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 24.534.672 đồng, lãi quá hạn là 24.171.381 đồng; lãi phạt là 1.806.148 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền trong đó nợ gốc là 31/5/2024 là 291.460.233 đồng trong đó nợ gốc là 240.948.032 đồng, lãi trong hạn là 24.534.672 đồng, lãi quá hạn là 24.171.381 đồng; lãi phạt là 1.806.148 đồng. Ông **Lương Ngọc T** còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận với Ngân hàng, tính từ ngày 01/6/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 323 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng S**.

Buộc ông **Lương Ngọc T** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng S** tổng số tiền 291.460.233 (hai trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 240.948.032 (hai trăm bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn không trăm ba mươi hai) đồng, lãi trong hạn là 24.534.672 (hai mươi bốn triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi hai) đồng, lãi quá hạn là 24.171.381 (hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi một nghìn ba trăm tám mươi một) đồng; lãi phạt là 1.806.148 (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi tám) đồng. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/6/2024, ông **Lương Ngọc T** còn phải tiếp tục trả lãi cho **Ngân hàng S** theo Thỏa thuận cho vay cá nhân số 21575PL ngày 01/11/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Ông **Lương Ngọc T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.537.012 (mười bốn triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn không trăm mười hai) đồng.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.733.013 (sáu triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0032596 ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **Lương Ngọc T** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đoàn Tiên